

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 12 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp về cấp dưỡng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byã - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 39/2022/HNGĐ – PT ngày 10/11/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 39/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: Số nhà số 67, thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Vy Thị Th; địa chỉ: Số nhà số 67, thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Vy Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông Hoàng Văn T và bà Vy Thị Th chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến ngày 03/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống hai người không có tiếng nói chung. Ngoài ra, bà Vy Thị Th có quan hệ không trong sáng với người khác. Vào năm 2020, ông T đã làm đơn ly hôn với bà Th nhưng không được Tòa án chấp nhận. Ông T và Th đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay ông Hoàng Văn T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T xin ly hôn với bà Vy Thị Th.

Trong quá trình chung sống giữa ông T với bà Th có 02 con chung là cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 12/8/2000 và cháu Hoàng Khánh Tr, sinh ngày 02/9/2011. Hiện tại, cháu Hoàng Văn T1 đã đủ tuổi thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T đồng ý giao cháu Hoàng Khánh Tr cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vy Thị Th trình bày:

Bà Vy Thị Th và ông Hoàng Văn T chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Vy Thị Th và ông Hoàng Văn T chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nhưng không trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tiền bạc và ông Hoàng Văn T hay ghen tuông. Mỗi khi ghen là ông T hay chửi bới, xúc phạm bà Th. Vào năm 2020, ông T làm đơn ly hôn với bà Th tại Tòa án nhưng không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông T và ông Th đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nay bà Th mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con nên không đồng ý ly hôn với ông Hoàng Văn T.

Về con chung: Ông T và Th có 02 con chung là cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 12/8/2000 và cháu Hoàng Khánh Tr, sinh ngày 02/9/2021. Cháu Hoàng Văn T1 đã đủ tuổi trưởng thành. Nếu phải ly hôn thì bà Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Khánh Tr đến tuổi trưởng thành. Bà Th yêu cầu ông Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trúc mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu Trúc đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vy Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Hoàng Văn T được ly hôn với bà Vy Thị Th.

- *Về con chung:* Giao cho bà Vy Thị Th được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Khánh Tr, sinh ngày 02/9/2011 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Ông Hoàng Văn T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con thì phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hoàng Văn T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hoàng Khánh Tr với mức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Hoàng Khánh Tr đủ tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022 bị đơn bà Vy Thị Th có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Trường hợp Tòa án cho ông T ly hôn với bà Th thì đề nghị Tòa án buộc ông T phải bồi thường cho bị đơn số tiền 300.000.000đ để đền bù tổn thất về tuổi thanh xuân cho bà Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đã sống lý thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa ông T và bà Th đã trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, nên cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông T là có căn cứ. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000đ của bị đơn thì tại cấp sơ thẩm bị đơn không có đơn yêu cầu, nên cấp phúc thẩm không có quyền xem xét giải quyết đối với yêu cầu này của bị đơn. Đề nghị, HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vy Thị Th, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Vy Thị Th làm đúng hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu không đồng ý ly hôn với ông T của bà Th, HĐXX thấy rằng: Ông T và bà Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K theo Giấy kết hôn số 73 ngày 03/12/2002. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Văn T và bà Vy Thị Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận do mâu thuẫn trong quá trình chung sống nên từ năm 2020 đến nay ông T và bà Th đã sống ly thân với nhau. Mặt khác, năm 2020 ông T đã nộp đơn xin ly hôn với bà Th tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng nhưng không được Tòa án chấp nhận, từ đó đến nay bà T không có phương pháp hàn gắn mâu thuẫn với ông T. Trong khi đó, tại kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Hoàng Văn T, bà Vy Thị Th sinh sống thể hiện giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và Th đã trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cần thiết phải giải thoát cho ông T ra khỏi cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho ông Hoàng Văn T và bà Vy Thị Th ly hôn với nhau là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn, về việc: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Hoàng Văn T phải bồi thường tổn thất tuổi thanh xuân cho bà Vy Thị Th số tiền 300.000.000đ, HĐXX nhận định như sau: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung này, ông T cũng không đồng ý bồi thường tuổi thanh xuân cho bà Th. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Th không có yêu cầu phản tố về nội dung này. Đồng thời, việc kết hôn giữa ông T, bà Th dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên và hiện nay chưa có bất kỳ văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về vấn đề bồi thường tuổi thanh xuân khi vợ chồng ly hôn. Do đó, yêu cầu này của bà T không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm nên HĐXX phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vy Thị Th, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn Vy Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vy Thị Th. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Hoàng Văn T được ly hôn với bà Vy Thị Th.

- *Về con chung:* Giao cho bà Vy Thị Th được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Khánh Tr, sinh ngày 02/9/2011 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Ông Hoàng Văn T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con thì phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hoàng Văn T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hoàng Khánh Tr với mức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Hoàng Khánh Tr đủ tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vy Thị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai số 0009289 do bà Vy Thị Th nộp ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Đình Triết

